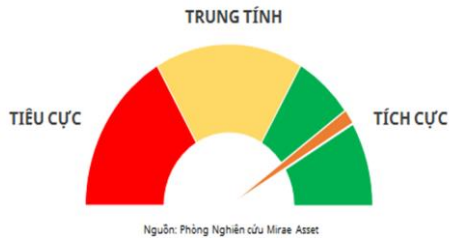


Thang đo sức mạnh thị trường



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,350.68	0.81	1.60	49.05
HNX	363.43	1.24	7.50	174.93
UPCOM	97.65	0.92	5.34	60.98
MSCI EM	1,261.40	0.25	3.33	16.49
NIKKEI	29,639.40	-0.67	9.72	26.88
HANG SENG	24,221.54	0.51	-2.53	2.13
KOSPI	3,140.51	0.33	2.61	30.18
FTSE	7,035.02	0.77	-0.75	20.68
S&P 500	4,354.19	-0.08	-1.97	31.33
NASDAQ	14,746.40	0.22	0.22	34.50

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.41	2.61	16.08
SET INDEX	19.95	1.76	7.56
JCI INDEX	24.14	1.49	-1.57
PCOMP INDEX	23.10	1.69	7.53

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.89	1	3	-49
10 năm	2.10	0	2	-68

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,761	0.00	0.30	1.86
US\$/KRW	1,175	-0.30	0.09	-0.08
US\$/JPY	109	-0.23	0.20	-4.16
US\$/EUR	0.85	0.00	0.18	-0.15
US\$/GBP	0.73	0.15	0.60	-6.65
US\$/SGD	1.35	0.05	0.32	0.98

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	952	890	664
HNX	160	143	96
UPCOM	90	84	44

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Lấy lại ngưỡng 1,350 điểm

Sau 2 phiên giảm điểm trước đó, VN-Index đã lấy được một phần điểm số đã mất khi đóng cửa trên ngưỡng 1,350 điểm, tăng hơn 10 điểm, tương đương mức tăng 0,81% so với phiên trước. Một điểm đáng quan tâm là thanh khoản giao dịch của VN30 ở mức thấp nhất tính từ đầu năm cho tới nay khi chỉ có hơn 122 triệu đơn vị khớp lệnh trong phiên. Bên cạnh đó, thanh khoản của VN-Index cũng giảm so với phiên trước khi đạt 726 triệu đơn vị khớp lệnh.

Tâm lý hoang mang của nhà đầu tư có phần được gỡ bỏ khi lực cầu lan tỏa với 307 mã tăng điểm và chỉ 100 mã giảm điểm. Trong số đó, có đến 63 mã đóng cửa với sắc tím và chủ yếu nằm ở những cổ phiếu penny và đầu cơ vốn thu hút dòng tiền ở những phiên gần đây. Ngoài ra, trong nhóm cổ phiếu VN30, những cái tên như BVH, PNJ, VNM và MSN đều tăng trên 2%. Riêng BVH tăng gần 6%.

Thị trường nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi áp lực bán ròng của khối ngoại. Hôm nay, khối này tiếp tục bán ròng hơn 243 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. VPH và VIC đứng đầu những mã bán ròng với giá trị lần lượt đạt 61 tỷ và 48 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, MBB được mua ròng hơn 88 tỷ đồng.

Lực cầu lan tỏa mạnh khắp các mã trên sàn chứng khoán đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index được cải thiện từ mức -2 điểm TRUNG TÍNH lên mức +4 điểm KHẢ QUAN. P/E hiện tại ở mức 16,3x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

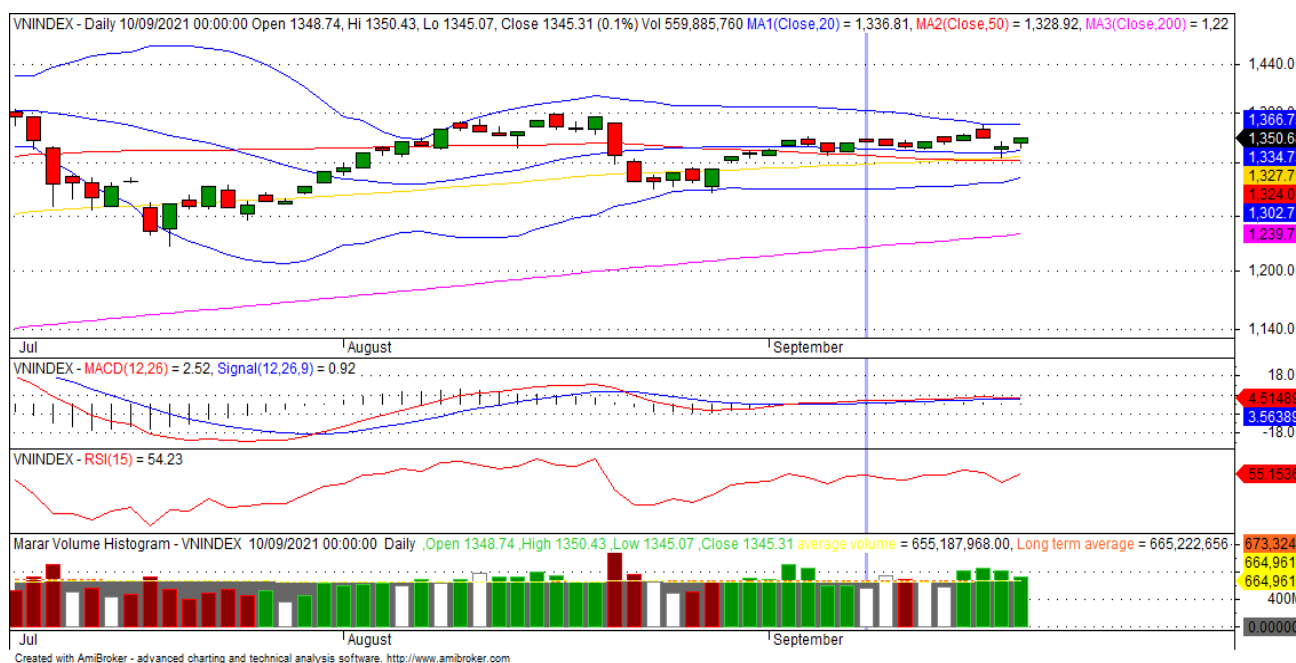
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (22/09/2021)	1.350,7	Kháng cự 1	1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.270

VN-Index tiếp tục thể hiện sự phục hồi tích cực khi về vùng giá thấp và đóng cửa trên ngưỡng kháng cự 1,350 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



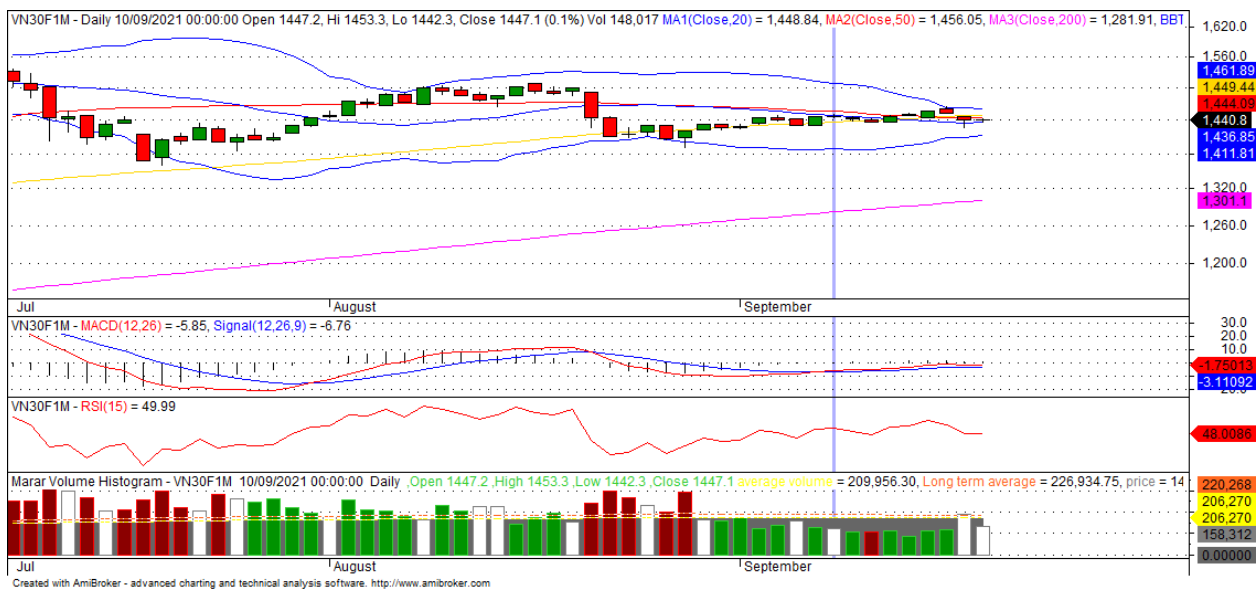
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (22/09/2021)	1.440,8	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.550
VN30 - đóng cửa	1.453	Hỗ trợ 1 1.450
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-12,4	Hỗ trợ 2 1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	2	TRUNG TÍNH

VN30F1M có phiên giao dịch với biên độ hẹp và tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ mạnh của mình

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.5	6,268,060	2	TRUNG TÍNH	5,386	13.2	1.1
ACB	31.6	5,627,020	0	TRUNG TÍNH	85,382	8.8	2.1
APG	24.65	3,659,180	-2	TRUNG TÍNH	1,803	19.1	2.2
APS	21.2	3,075,385	5	KHẢ QUAN	1,264	10.0	2.0
ASM	16.5	5,905,105	-2	TRUNG TÍNH	4,271	10.4	0.9
BCG	18.6	5,815,550	-4	TIÊU CỰC	5,534	5.9	1.5
BID	39.6	1,525,605	4	KHẢ QUAN	159,272	16.1	2.0
BII	27	4,618,070	0	TRUNG TÍNH	1,557	18.2	2.6
BSR	18.6	8,782,535	4	KHẢ QUAN	57,669	#N/A N/A	1.9
BVH	59	1,269,300	5	KHẢ QUAN	43,797	23.4	2.1
CEO	11.1	5,553,895	3	TRUNG TÍNH	2,856	#N/A N/A	1.0
CII	17.65	3,398,240	-6	TIÊU CỰC	4,216	139.2	0.9
CTG	31.35	10,927,625	0	TRUNG TÍNH	150,660	9.2	1.6
CTR	81.2	833,830	-2	TRUNG TÍNH	7,545	27.0	7.1
DBC	64.2	2,763,050	4	KHẢ QUAN	7,398	6.0	1.6
DCM	24.5	4,571,970	-7	TIÊU CỰC	12,970	21.0	1.9
DDV	36.1	4,618,775	2	TRUNG TÍNH	5,275	185.1	4.2
DGC	167.6	1,015,935	7	KHẢ QUAN	28,673	28.6	6.4
DGW	118	658,280	3	TRUNG TÍNH	10,431	25.6	7.5
DIG	32.2	10,490,690	-6	TIÊU CỰC	13,681	17.6	2.8
DPG	49	1,392,185	5	KHẢ QUAN	3,087	10.0	2.6
DPM	34.85	5,797,870	-7	TIÊU CỰC	13,638	12.0	1.6
DRC	33.75	2,404,635	-6	TIÊU CỰC	4,009	11.8	2.3
DXG	19.35	4,403,460	4	KHẢ QUAN	11,533	14.0	1.4
FCN	14.1	4,343,875	-4	TIÊU CỰC	1,769	12.6	0.8
FIT	14.4	12,906,495	-6	TIÊU CỰC	3,668	26.6	1.2
FLC	11.8	13,924,190	7	KHẢ QUAN	8,378	4.6	0.9
FPT	93.2	2,044,895	-2	TRUNG TÍNH	84,576	22.0	5.0
FRT	45.9	2,357,985	2	TRUNG TÍNH	3,625	54.5	2.8
GAS	88.4	830,825	0	TRUNG TÍNH	169,193	21.7	3.6
GEX	24.1	9,356,070	-6	TIÊU CỰC	18,827	13.9	1.9
GMD	50.2	4,048,995	-4	TIÊU CỰC	15,129	37.0	2.5
GVR	37	5,214,395	-6	TIÊU CỰC	148,000	31.3	3.1
HAH	68.2	2,093,140	-4	TIÊU CỰC	3,232	15.4	2.8
HBC	16	5,582,050	5	KHẢ QUAN	3,694	26.4	1.0
HCM	52.9	5,129,710	-6	TIÊU CỰC	16,198	18.3	3.4
HDB	25.4	2,312,900	0	TRUNG TÍNH	50,702	9.6	1.9
HDC	73	800,690	7	KHẢ QUAN	6,312	20.6	4.8
HDG	59.4	1,920,510	6	KHẢ QUAN	9,720	13.9	2.8
HHV	21.6	7,691,030	-1	TRUNG TÍNH	5,775	37.0	0.9
HNG	8.25	7,350,330	7	KHẢ QUAN	9,146	#N/A N/A	1.1
HPG	50.9	24,668,270	0	TRUNG TÍNH	227,672	9.1	3.1
HSG	46.6	13,587,270	0	TRUNG TÍNH	22,996	6.0	2.3
HT1	22.2	3,812,790	-4	TIÊU CỰC	8,470	13.4	1.5
IDC	52	5,518,035	7	KHẢ QUAN	15,600	30.7	4.0
IJC	28.8	7,509,220	2	TRUNG TÍNH	6,252	8.2	2.0
ITA	8.2	13,360,770	7	KHẢ QUAN	7,694	43.4	0.7
KBC	43	13,543,860	-4	TIÊU CỰC	20,200	23.8	2.0
KDC	59	2,344,375	-7	TIÊU CỰC	13,496	26.3	2.3
KDH	42.1	2,715,555	4	KHẢ QUAN	26,170	21.4	3.0
KSB	35.5	3,252,985	-1	TRUNG TÍNH	2,602	10.4	1.5
LCG	19.9	7,568,055	5	KHẢ QUAN	2,293	6.3	1.3

LPB	22.6	5,577,340	4	KHẢ QUAN	27,201	10.2	1.7
MBB	28	12,945,735	4	KHẢ QUAN	105,793	10.1	2.0
MBS	34.1	2,650,425	-6	TIÊU CỰC	9,125	18.2	3.0
MSN	147	1,647,440	4	KHẢ QUAN	173,539	82.3	8.1
MWG	125.7	1,105,295	5	KHẢ QUAN	89,612	19.6	4.9
NKG	45.8	8,636,115	5	KHẢ QUAN	10,003	6.7	2.2
NLG	42	2,360,450	-6	TIÊU CỰC	14,501	10.7	1.8
NTL	35.2	1,941,780	-4	TIÊU CỰC	2,147	7.0	1.9
NVL	103	2,328,205	-4	TIÊU CỰC	151,929	28.7	4.5
ORS	26.9	2,213,360	0	TRUNG TÍNH	5,380	25.5	4.2
PAN	28.15	2,027,435	-2	TRUNG TÍNH	5,880	26.6	1.6
PC1	36.4	2,556,800	-4	TIÊU CỰC	6,959	10.6	1.6
PDR	81	3,355,260	0	TRUNG TÍNH	39,429	27.9	7.1
PET	27.7	2,982,610	-4	TIÊU CỰC	2,490	13.0	1.5
PNJ	93.1	703,520	4	KHẢ QUAN	21,168	16.0	3.7
POW	11.8	12,830,350	-6	TIÊU CỰC	27,634	10.9	0.9
PVD	21.9	6,839,490	7	KHẢ QUAN	9,181	990.5	0.7
PVS	28.2	9,924,840	4	KHẢ QUAN	13,479	24.8	1.1
PVT	23.95	7,146,190	-2	TRUNG TÍNH	7,751	10.2	1.6
QNS	53.8	1,094,730	2	TRUNG TÍNH	19,203	15.5	2.5
REE	68	1,178,755	-1	TRUNG TÍNH	21,015	11.7	1.7
ROS	5.7	10,653,885	7	KHẢ QUAN	3,235	17.6	0.5
SBT	22.65	5,800,325	-1	TRUNG TÍNH	13,979	21.2	1.8
SCR	13.3	12,567,440	6	KHẢ QUAN	4,873	16.6	1.0
SHB	26.5	14,176,045	2	TRUNG TÍNH	51,027	13.7	1.9
SHS	38.7	5,618,125	-6	TIÊU CỰC	11,165	10.4	2.6
SSI	41.8	12,279,650	-7	TIÊU CỰC	41,079	22.5	3.7
STB	26.7	12,624,460	-2	TRUNG TÍNH	50,335	13.9	1.6
SZC	49.45	1,283,165	3	TRUNG TÍNH	4,945	19.8	3.7
TCB	50.5	9,532,040	6	KHẢ QUAN	176,998	10.9	2.1
TCH	17.25	8,448,005	2	TRUNG TÍNH	10,673	8.3	1.2
TLH	22.1	4,069,180	0	TRUNG TÍNH	2,224	5.6	1.3
TNG	29.6	3,441,520	-5	TIÊU CỰC	2,354	13.3	1.9
TPB	40.1	5,917,735	4	KHẢ QUAN	42,974	9.5	2.1
VCB	99.5	941,535	2	TRUNG TÍNH	369,033	18.0	3.5
VCI	63.4	5,338,265	0	TRUNG TÍNH	21,112	14.5	4.0
VGC	34.4	2,035,280	-6	TIÊU CỰC	15,423	16.4	2.4
VGX	20.8	6,968,130	-4	TIÊU CỰC	10,400	36.5	1.7
VHC	51	2,715,980	-4	TIÊU CỰC	9,279	12.6	1.7
VHM	78	11,648,480	-4	TIÊU CỰC	339,641	10.1	3.5
VIC	86.1	2,968,380	-4	TIÊU CỰC	327,629	48.7	3.6
VIX	18.65	4,620,230	-2	TRUNG TÍNH	5,121	5.6	1.8
VJC	123.2	998,290	-7	TIÊU CỰC	66,781	442.6	3.9
VND	53.4	9,795,605	0	TRUNG TÍNH	22,910	12.4	3.8
VNM	91.5	3,424,735	7	KHẢ QUAN	191,231	20.0	6.0
VOS	22.8	4,492,395	0	TRUNG TÍNH	3,192	20.9	4.4
VPB	66.8	6,528,640	4	KHẢ QUAN	164,979	13.2	2.7
VRE	28.45	4,989,845	0	TRUNG TÍNH	64,647	23.8	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Hạ viện Mỹ đình chỉ áp trần nợ, thông qua dự luật giúp chính phủ hoạt động đến cuối năm

Hạ viện Mỹ ngày 21/9 bỏ phiếu với tỷ lệ 220 – 211, với toàn bộ phiếu thuận đều của đảng Dân chủ, thông qua dự luật tài trợ cho chính phủ hoạt động đến ngày 3/12 và đình chỉ áp trần nợ công cho đến cuối năm 2022, chuyển lên Thượng viện xem xét. Hiện chưa rõ Thượng viện sẽ hành động thế nào. Nếu phe Cộng hòa tại Thượng viện tiếp tục từ chối ủng hộ dự luật, đảng Dân chủ sẽ phải tìm chiến lược khác hoặc đối mặt nguy cơ kép gồm chính phủ đóng cửa một phần và Mỹ có thể vỡ nợ lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại. Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi và lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện Chuck Schumer, đều thuộc đảng Dân chủ, ngày 20/9 thông báo họ sẽ kết hợp các biện pháp chi tiêu và trần nợ vào một dự luật. Lãnh đạo phe Cộng hòa tại Thượng viện Mitch McConnell tuyên bố sẽ chặn phương án tăng trần nợ công 28.400 tỷ USD hiện tại. Ngày 21/9, McConnell tái khẳng định quan điểm. “Tôi muốn nhắc lại lần nữa: Mỹ không bao giờ được phép vỡ nợ. Chúng ta chưa từng vỡ nợ và sẽ không bao giờ vỡ nợ”, ông nói.

ADB lần thứ 3 hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam, xuống 3,8%

Trong buổi họp báo trực tuyến cập nhật triển vọng phát triển châu Á diễn ra sáng nay (22/9), ADB dự báo GDP Việt Nam năm nay tăng trưởng 3,8%, thấp hơn rất nhiều so với con số 6,7% so với hồi đầu năm. Tương tự, GDP Việt Nam 2022 được dự báo tăng trưởng 6,5% thay vì 7% được công bố trong báo cáo hồi đầu năm. Đây là lần thứ 3 ADB hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. ADB cho rằng khác với xu hướng phục hồi nửa đầu năm, tăng trưởng kinh tế nửa cuối năm đã chậm lại, do làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 đã tác động tới hoạt động kinh doanh và thị trường lao động. Theo đó, GDP quý III được ADB dự báo tăng trưởng 4,2%, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng hơn 6%; khu vực dịch vụ và nông nghiệp tăng trưởng 2,9-3,1%. Trong ngắn hạn, triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam có nhiều thách thức. Một trong những thách thức lớn nhất đó là dịch Covid-19 kéo dài, trong khi tỷ lệ người lao động được tiêm mũi 2 vẫn còn thấp. ADB cũng dự báo lạm phát sẽ được kiềm chế trong năm 2021 và 2022 do tốc độ tăng trưởng chậm lại.

PDR: muốn huy động tiếp trái phiếu lãi suất 13%/năm cho các dự án bất động sản

HĐQT Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) vừa thông qua phương án phát hành đợt trái phiếu thứ 6 trong năm với giá trị 270 tỷ đồng, kỳ hạn 2 năm. Lãi suất 13%/năm, được trả định kỳ 3 tháng/lần. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không phải nợ thứ cấp. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu PDR của bên thứ 3. Thời gian phát hành dự kiến trong tháng 9. Mục đích phát hành nhằm tài trợ vốn cho công ty con thực hiện dự án Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp Astral City (quy mô 3,73 ha, tại tỉnh Bình Dương) và dự án Hạ tầng kỹ thuật nội bộ khu I - Khu Cổ Đại (quy mô 84,1 ha, tại quận 9, TP HCM). Nếu tính cả đợt phát hành sắp tới, kể từ đầu năm, doanh nghiệp đã chào bán 1.380 tỷ đồng trái phiếu với lãi suất 13%/năm và phần

lớn trái phiếu đáo hạn năm 2023. Số tiền huy động được sẽ dùng để tài trợ vốn cho công ty con thực hiện hai dự án trên, cũng như đầu tư dự án Phân khu 2, Phân khu 4 và Phân khu 9 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (Bình Định).

IDC: Cơ cấu cổ đông thay đổi, lợi nhuận nửa cuối năm dự kiến tăng mạnh nhờ thoái vốn

Tổng công ty Idico (HNX: IDC) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường 2021 với nội dung đáng chú ý là thay đổi kế hoạch kinh doanh công ty mẹ và chuyển niêm yết cổ phiếu sang HoSE. Cụ thể, HĐQT trình phương án điều chỉnh tăng kế hoạch doanh thu công ty mẹ từ 996 tỷ đồng lên 1.711 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng từ 460 tỷ đồng lên 1.032 tỷ đồng, lần lượt tăng 72% và 117%. So với thực hiện 2020, kế hoạch mới của công ty mẹ gấp đôi và lợi nhuận gấp 3,2 lần. Cùng với đó, đơn vị cũng điều chỉnh tăng kế hoạch cổ tức 2021 từ 10% lên 40%, gồm 30% tiền mặt (900 tỷ đồng) và 10% cổ phiếu (300 tỷ đồng). Nửa đầu năm, công ty mẹ tổng công ty đạt tổng doanh thu 511 tỷ đồng, thực hiện 51% kế hoạch chưa điều chỉnh; lãi sau thuế 255 tỷ đồng, thực hiện 55% kế hoạch chưa điều chỉnh. So với kế hoạch mới, đơn vị thực hiện lần lượt 30% và 25%. Như vậy, trong nửa cuối năm, doanh nghiệp dự kiến tổng doanh thu đạt 1.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 777 tỷ đồng, gấp 2,4 lần thực hiện cả năm 2020. Ban lãnh đạo lý giải trong nửa cuối năm, tổng công ty tiếp tục công tác thoái vốn tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ và các khoản đầu tư tài chính. Việc tái cấu trúc lĩnh vực hoạt động của công ty mẹ và các công ty con dự kiến lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch trên 450 tỷ đồng.

ABS: bán 20% cổ phần công ty con, dự kiến lãi ít nhất 45 tỷ đồng

Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận (Bitagco, HoSE: ABS) vừa công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 20% cổ phần tại công ty con VCD Riverbank với giá tối thiểu 15.500 đồng/cp. Trong khi Bitagco mới đầu tư 425,25 tỷ đồng để sở hữu 90% vốn (40,5 triệu cổ phần) tại VCD Riverbank từ cuối tháng 4. Số tiền để mua lượng cổ phần trên được trích từ 469 tỷ huy động sau khi chào bán gần 42,6 triệu cổ phiếu riêng lẻ trong tháng 1. Như vậy, giá mua một cổ phiếu VCD Riverbank là 10.500 đồng/cp. Nếu Bitagco chuyển nhượng cổ phần tại công ty con chuyên kinh doanh bất động sản với giá tối thiểu 15.500 đồng/cp, đơn vị sẽ lãi ít nhất 45 tỷ đồng sau khi bán 20% cổ phần. Bitagco cũng vừa chốt 1/10 là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền năm 2020. Tỷ lệ thực hiện là 5%, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 500 đồng. Ngày thanh toán là 15/10.

MVN: sắp góp thêm 173 tỷ đồng vào công ty cảng tại Cái Mép - Thị Vải

HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines, UPCoM: MVN) vừa thông qua phương án đầu tư thêm 7,5 triệu USD, tương đương khoảng 173 tỷ đồng vào Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. SP-PSA là cảng container nước sâu đầu tiên của khu vực Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu), bắt đầu hoạt động từ năm 2009. Đơn vị là liên doanh của 3 thành viên là Công ty PSA Việt Nam Pte. Ltd, Công ty Cảng Sài Gòn (UPCoM: SGP) và Vinalines với tỷ lệ sở hữu lần lượt 49%, 36% và 15%. Tại ngày 30/6, dư nợ gốc từ

các ngân hàng cho vay SP-PSA là 109,9 triệu USD, lỗ lũy kế là 127,9 triệu USD. Dựa theo ước tính kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền những năm tiếp theo, SP-PSA không có khả năng thanh toán nợ gốc và lãi như cam kết. Để tháo gỡ khó khăn, SP-PSA đề xuất phương án các cổ đông góp thêm 50 triệu USD qua phương thức tăng vốn điều lệ để thanh toán các khoản nợ ngân hàng và tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính liên quan đến tái cơ cấu nợ. Số tiền các cổ đông góp thêm vốn tương ứng với tỷ lệ vốn góp hiện hữu

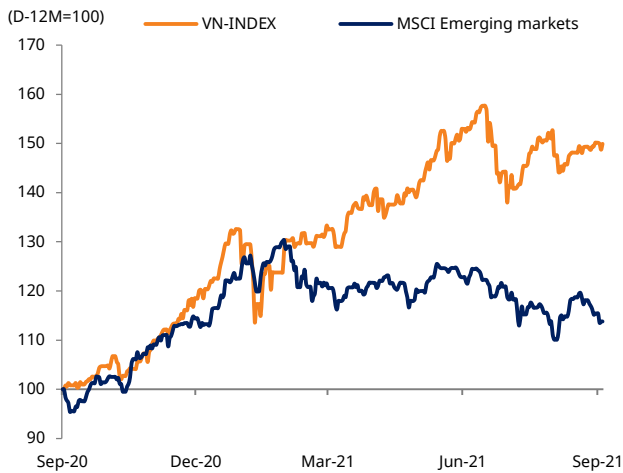
PNJ lỗ tháng thứ 2 liên tiếp

Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) thông báo doanh thu lũy kế 8 tháng đạt 12.288 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 625 tỷ đồng, tăng 14,2%. Doanh thu kênh lẻ tăng 21%, bán sỉ tăng 3,6% và vàng miếng tăng 25% so với 8 tháng 2020. Doanh nghiệp thực hiện được 58,5% kế hoạch doanh thu và 50,9% kế hoạch lợi nhuận năm. Riêng tháng 8, công ty vàng bạc báo doanh thu 162 tỷ đồng, giảm 87%; lỗ 78 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước lãi 52 tỷ đồng. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp doanh nghiệp ghi nhận lỗ từ đầu năm đến nay, tháng 7 lỗ 32 tỷ đồng.

HVN: hoàn tất xin cấp phép bay thẳng đến Mỹ

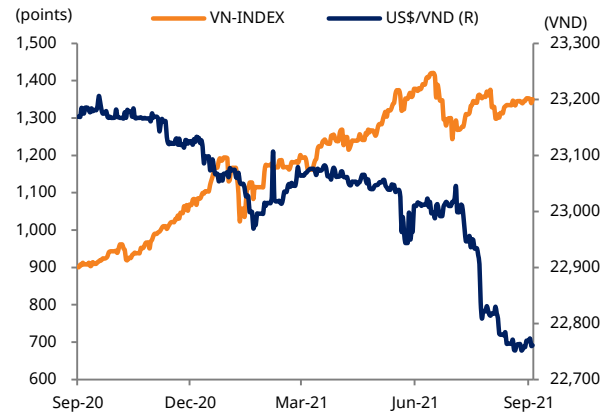
Ngày 21/9, Vietnam Airlines (HoSE: HVN) cho biết đã hoàn thành toàn bộ tài liệu và công tác chuẩn bị để Cục An ninh Vận tải Mỹ (TSA) xem xét phê chuẩn, trên cơ sở đó Cục Hàng không Liên bang Mỹ (FAA) sẽ cấp phép cho hãng khai thác các chuyến bay thẳng thường lệ giữa Việt Nam và Mỹ. Nếu được cấp phép, Vietnam Airlines sẽ trở thành hãng hàng không Việt đầu tiên bay thẳng thường lệ đến Mỹ - quốc gia có hàng rào, thủ tục pháp lý và an ninh hàng không khắt khe bậc nhất thế giới. Cho đến nay, Việt Nam chưa có hãng hàng không nào có giấy phép của TSA và FAA để mở đường bay thẳng thường lệ đến Mỹ, song một số hãng đã được cấp phép khai thác các chuyến bay thuê chuyến quốc tế đặc biệt giữa hai nước. Các chuyến bay thường lệ được thực hiện đều đặn theo lịch bay mà hãng hàng không công bố, không hạn chế mọi đối tượng hành khách và mở bán vé rộng rãi tại website, ứng dụng di động, phòng vé... của hãng bay. Tất cả hành khách đều có thể tự tra cứu lịch bay, tùy chọn đặt chỗ, mua vé với mức giá phù hợp theo nhu cầu cá nhân trên các chuyến bay thường lệ..

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



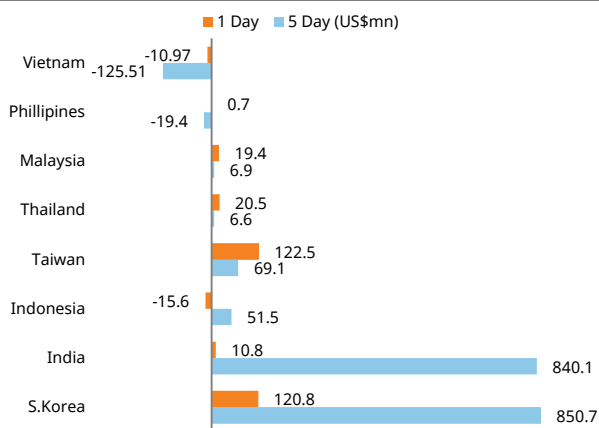
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



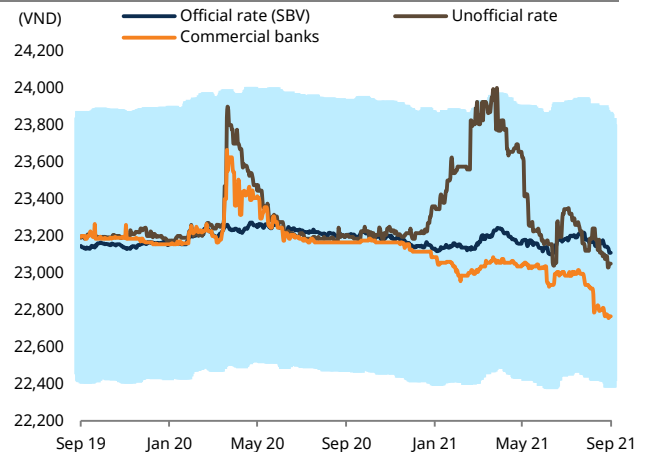
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



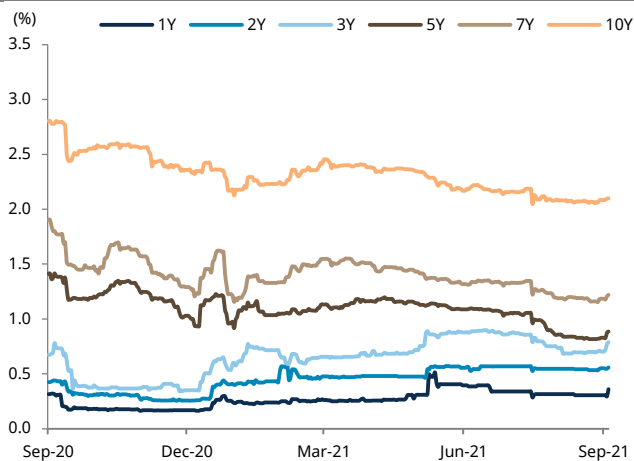
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



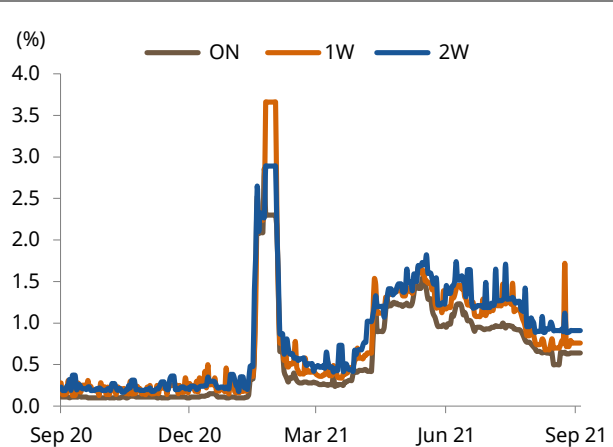
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,453.22	3,728,902		0.5	0.6	0.2	70.4	14.0	11.6	2.6	2.2	35.1	20.7	23.0	21.1
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	31,600	85,382	30.0	-0.6	1.3	-6.0	77.1	8.6	7.1	1.9	1.5	30.6	21.6	25.1	24.1
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,600	159,272	16.6	-0.1	2.1	-2.2	-2.7	17.1	12.1	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	17.0
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,000	43,797	26.9	5.9	9.1	10.5	18.2	26.5	23.9	2.1	1.9	6.2	10.7	8.2	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	31,350	150,660	24.6	-0.5	0.6	-4.1	56.8	11.0	8.2	1.4	1.2	0.4	33.0	18.3	20.5
CTCP FPT	FPT VN	93,200	84,576	49.0	-0.3	-1.0	0.4	108.9	20.5	17.6	4.4	4.0	26.9	16.5	24.0	25.1
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,400	169,193	2.5	0.2	-3.4	1.0	22.9	19.3	15.6	3.4	3.1	13.4	24.3	18.1	20.5
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	37,000	148,000	0.6	1.6	-3.9	1.8	202.0	31.8	29.1	NA	NA	23.3	9.5	9.6	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	25,450	50,702	18.1	-0.4	2.8	-7.8	69.9	8.4	8.1	1.7	NA	41.4	4.3	22.2	21.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	50,900	227,672	26.2	0.2	-1.4	3.9	168.9	7.4	7.1	2.4	1.8	140.7	3.9	40.8	30.2
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	42,000	26,170	31.2	0.6	1.9	6.6	86.7	25.1	18.5	2.9	2.4	-10.5	35.8	12.3	14.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	28,000	105,793	22.8	0.0	2.0	-6.4	128.5	8.7	6.8	1.6	1.3	46.7	28.7	22.1	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	147,000	173,539	32.5	2.4	1.4	9.9	170.7	52.2	29.6	8.9	6.9	167.3	76.3	17.5	22.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	125,700	89,612	49.0	1.5	0.9	15.0	89.3	18.3	14.4	4.0	3.5	18.7	27.2	24.3	26.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,100	151,929	9.1	0.1	0.0	-0.6	121.8	35.5	19.0	4.3	3.4	-1.0	87.2	19.4	17.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	81,000	39,429	3.5	-0.7	-0.9	-4.8	160.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,100	63,657	17.7	1.0	-1.6	1.0	-0.6	17.1	14.9	NA	NA	328.0	14.2	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	93,100	21,168	48.0	3.3	1.3	1.7	52.9	19.7	15.7	3.6	3.1	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,800	27,634	3.1	1.3	0.0	8.3	18.0	13.1	10.4	0.9	0.8	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	158,000	101,322	62.8	0.0	-4.8	10.5	-16.4	21.6	18.2	4.4	3.9	2.6	18.8	23.0	24.2
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	41,800	41,079	45.4	-0.7	-2.6	1.2	282.3	21.4	19.1	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	26,700	50,335	15.9	-0.4	0.4	-5.7	112.7	18.3	13.5	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,500	176,998	22.5	0.2	4.3	0.0	126.0	10.6	8.8	1.9	1.6	36.2	20.0	20.4	20.2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	40,100	42,974	30.0	0.3	4.8	14.6	105.0	9.0	7.6	1.8	1.5	30.4	19.1	23.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,500	369,033	23.6	1.5	2.5	-0.6	18.5	18.7	14.7	3.2	2.6	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	78,000	339,641	22.8	0.6	-4.8	-6.2	32.0	10.1	9.2	2.8	2.1	20.3	10.1	32.0	26.9
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	86,100	327,629	14.1	0.6	-5.8	-11.9	2.4	88.1	49.7	3.6	3.3	-35.0	77.1	6.0	8.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	123,300	66,781	17.7	-0.2	-2.1	2.9	15.6	NA	34.6	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	91,500	191,231	54.5	3.0	6.3	4.2	-15.3	19.2	17.8	5.9	5.6	-0.2	8.0	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	66,800	164,979	15.4	-0.1	4.5	6.9	185.5	13.0	11.0	2.0	1.7	20.5	17.9	22.9	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,450	64,647	30.0	0.2	-0.4	5.2	-0.9	25.7	17.9	2.2	2.1	5.7	43.9	6.8	10.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	10.84	5,118,414	0.8	0.4	1.6	49.1	15.9	12.7	2.5	2.2	33.7	25.9	20.5	19.4
Ô tô và phụ tùng	0.05	9,440	2.1	-1.8	6.7	58.8	8.1	7.0	1.4	1.3	20.1	16.4	11.8	12.3
Ngân hàng	0.68	1,589,029	0.2	0.7	-0.8	60.9	12.7	10.0	2.0	1.7	31.8	26.5	19.0	18.9
Xây dựng cơ bản	1.16	211,510	2.2	2.2	10.0	138.7	8.0	5.5	1.5	0.3	25.4	-0.5	7.5	7.4
Dịch vụ thương mại	0.04	5,274	3.0	-0.2	3.5	38.3	7.5	5.9	NA	NA	10.8	39.0	9.4	12.4
May mặc và trang sức	0.32	45,570	2.7	-0.1	3.7	114.1	13.7	10.9	2.5	2.1	19.9	26.8	15.2	17.5
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	8,824	1.3	0.5	6.6	29.6	NA	14.4	NA	NA	NA	NA	-9.4	3.8
Dịch vụ tài chính	-0.05	142,950	0.0	-1.3	2.5	312.9	5.6	6.7	0.7	0.7	87.9	-12.4	3.7	3.8
Năng lượng	0.16	85,125	0.7	-0.2	5.7	22.9	41.2	15.9	0.2	0.2	NA	82.6	13.5	13.7
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	3.10	579,301	2.0	2.0	7.7	48.9	27.3	18.1	5.4	4.6	60.9	34.5	20.8	22.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	1,747	0.7	7.3	31.5	99.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,847	0.9	0.5	0.0	-0.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.79	54,077	5.7	9.7	11.9	26.1	22.9	20.8	1.8	1.7	10.3	9.6	7.6	7.9
Nguyên vật liệu	1.53	557,182	1.1	-0.8	8.0	183.7	14.1	13.2	1.5	1.1	NA	1.7	25.4	19.8
Giải trí và truyền thông	0.01	1,348	1.9	-0.3	4.1	-26.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.08	37,616	2.3	3.8	13.0	31.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	2.06	1,154,459	0.8	-0.8	4.2	20.6	9.5	8.3	1.6	1.4	4.3	14.4	8.8	9.2
Bán lẻ	0.36	99,517	0.7	-1.3	-3.6	50.2	56.5	22.2	2.7	6.2	12.6	NA	14.0	13.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.01	92,231	1.4	2.1	14.2	85.2	18.0	13.9	3.8	3.3	31.5	28.5	22.4	24.8
Thiết bị và phần cứng	0.02	10,431	0.0	-2.0	3.6	108.6	18.8	16.2	4.1	3.7	31.1	16.6	22.0	23.0
Dịch vụ viễn thông	0.02	2,087	0.7	2.6	40.8	334.6	23.6	18.3	6.7	5.2	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	0.33	195,917	3.5	4.4	34.3	441.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.39	259,232	0.5	-2.2	10.2	67.8	4.2	16.0	26.9	0.4	21.2	NA	-80.0	47.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	91,500	3.0	10,050,100	1.5
VCB VN	99,500	1.5	362,800	1.5
MSN VN	147,000	2.4	859,600	1.1
BVH VN	59,000	5.9	4,575,300	0.7
GVR VN	37,000	1.6	3,555,500	0.6
VHM VN	78,000	0.6	8,759,600	0.6
VIC VN	86,100	0.6	2,845,500	0.5
DGC VN	167,600	7.0	968,800	0.5
MWG VN	125,700	1.5	1,293,000	0.4
HVN VN	25,900	2.0	1,005,400	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIB VN	38,800	-1.8	1,070,500	-0.3
CTG VN	31,350	-0.5	7,714,100	-0.2
ACB VN	31,600	-0.6	2,681,700	-0.1
OCB VN	24,050	-1.2	1,981,200	-0.1
FTS VN	62,100	-3.7	1,340,900	-0.1
LPB VN	22,600	-1.1	3,634,000	-0.1
SSI VN	41,800	-0.7	6,579,500	-0.1
PDR VN	81,000	-0.7	2,752,600	-0.1
FPT VN	93,200	-0.3	2,027,200	-0.1
VPB VN	66,800	-0.1	4,623,100	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.